

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng**  
**vùng huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 3500/SXD-QH ngày 21 tháng 5 năm 2022 về việc đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện Mường Lát).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với nội dung chính sau:

## **1. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch**

- Ranh giới lập quy hoạch xây dựng vùng huyện bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện Mường Lát với 08 đơn vị hành chính (07 xã và 01 thị trấn), ranh giới lập quy hoạch cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp tỉnh Sơn La;
- + Phía Nam giáp huyện Quan Hoá;
- + Phía Đông giáp huyện Quan Hoá;
- + Phía Tây và Tây Bắc giáp tỉnh Hòa Phấn (CHDCND Lào).

- Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng: 81.240,94 ha (812,41km<sup>2</sup>).

## **2. Tính chất**

- Là Vùng sinh thái rừng đầu nguồn; vùng sản xuất nông, lâm nghiệp, phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng bền vững và xây dựng thương hiệu sản phẩm, hình thành các sản phẩm chủ lực. Phát triển chăn nuôi theo hướng chăn nuôi đại gia súc, tập trung trang trại, gia trại gắn với ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất.

- Là Vùng phát triển dịch vụ - du lịch: Đa dạng các sản phẩm du lịch thắng cảnh, sinh thái nghỉ dưỡng; du lịch văn hóa lễ hội có nhiều nét độc đáo của khu vực biên giới... lễ hội có nhiều trò chơi dân gian mang đậm tính nhân văn bản địa, kết hợp du lịch trải nghiệm, khám phá tự nhiên, khám phá lịch sử văn hóa dân tộc.

- Là huyện Vùng núi cao biên giới Việt - Lào, giữ vai trò quan trọng đảm bảo môi trường sinh thái bền vững; quốc phòng, an ninh và đại đoàn kết các dân tộc thuộc vùng miền núi tỉnh Thanh Hoá (theo Nghị Quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045); có vai trò quan trọng trong ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của vùng miền núi cao phía Tây tỉnh.

## **3. Các dự báo phát triển**

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2020: 40.427 người; mật độ dân số: 49,8người/km<sup>2</sup>; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 18,1%.

- Dự báo dân số đến năm 2030: khoảng 42.500 người; dân số đô thị khoảng: 10.000; tỷ lệ đô thị hóa đạt: 23,5%.

- Dự báo dân số đến năm 2045: khoảng 47.000 người; dân số đô thị khoảng: 12.000; tỷ lệ đô thị hóa đạt: 25,5%.

## b) Quy mô đất đai

- Hiện trạng diện tích tự nhiên huyện Mường Lát là: 81.240,94ha;
- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng: 1.100ha (chiếm 1,35% tổng diện tích tự nhiên); đến năm 2045 khoảng: 1.200 ha (chiếm 1,47% tổng diện tích tự nhiên).

## 4. Định hướng phát triển không gian vùng

### 4.1. Phân vùng phát triển

Chia 8 xã của huyện Mường Lát thành 4 vùng phát triển dựa trên điều kiện tự nhiên, đất đai, khí hậu, phong tục tập quán, trình độ của người dân.

#### *Tiểu Vùng I:*

Gồm các xã Trung Lý, Mường Lý và Tam Chung với các định hướng chính: Vùng bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thượng nguồn sông Mã; ổn định dân cư; nghiên cứu các mô hình nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ sông Mã; phát triển cây dược liệu dưới tán rừng; phát triển Du lịch văn hóa, sinh thái, trải nghiệm....

#### *Tiểu Vùng II:*

Gồm các xã Pù Nhi và Nhi Sơn với các định hướng chính: Du lịch văn hóa, trải nghiệm thiên nhiên; phát triển chăn nuôi đại gia súc, chú ý đến các giống, loài bản địa; Phát triển cây ăn quả, cây dược liệu theo hướng chuyên canh; Phát triển Dịch vụ - thương mại nội vùng trên cơ sở khai thác lợi thế đầu mối giao thông khu vực ngã 3 Pù Nhi, đầu mối giao thương, văn hóa chợ phiên Nhi Sơn.

#### *Tiểu Vùng III:*

Gồm các xã Mường Chanh và Quang Chiêu với định hướng phát triển chính: Nông Lâm nghiệp, chăn nuôi, trong đó chú trọng giữ và phát huy các giống, loài đặc sản bản địa (nếp Quang Chiêu), bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn; Phát triển cây ăn quả, cây dược liệu; phát triển dịch vụ du lịch trải nghiệm.

#### *Tiểu Vùng IV:*

Vùng thị trấn Mường Lát: Là trung tâm hành chính, chính trị kinh tế - xã hội của huyện. Vùng trọng điểm phát triển kinh tế của huyện, vùng phát triển đô thị; công nghiệp chế biến Nông lâm sản; công nghiệp sử dụng nhiều lao động; phát triển dịch vụ thương mại biên mậu gắn với cửa khẩu Tén Tằn; du lịch...

## **4.2. Cấu trúc phát triển không gian vùng**

Với đặc điểm huyện miền núi cao, quỹ đất hạn chế, không gian toàn huyện Mường Lát sẽ phát triển theo cấu trúc tuyến, điểm với thị trấn Mường Lát là trung tâm.

Từ thị trấn Mường Lát theo đường tỉnh 521D và QL 16 phát triển các xã Tam Chung; Mường Lý; Theo trục Quốc lộ 15C phát triển lan tỏa các xã Pù Nhi; Nhi Sơn; Trung Lý; Theo ĐT.521D phát triển kinh tế xã hội các xã Mường Chanh; Quang Chiêu.

Đây cũng sẽ là các trục phát triển kinh tế của huyện nói riêng và của tỉnh nói chung, nối các huyện đồng bằng với các huyện miền núi của tỉnh, cũng như nối Thanh Hóa với các tỉnh Tây Bắc và nước CHDCND Lào. trục động lực kinh tế chủ đạo của huyện, kết nối các đô thị, các điểm phát triển trên địa bàn huyện.

## **4.3. Tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn**

### **4.3.1. Hệ thống đô thị**

- Huyện Mường Lát ổn định 01 đô thị là thị trấn Mường Lát hiện nay, là đô thị loại V miền núi.

- Đến năm 2030: tỷ lệ đô thị hóa toàn huyện đạt: 23,5%;

- Đến năm 2045 tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực thị trấn Mường Lát. Tỷ lệ đô thị hóa toàn huyện đạt: 25,5%.

### **4.3.2. Định hướng phát triển khu vực nông thôn và nông nghiệp**

- Phát triển các điểm dân cư nông thôn với định hướng là ổn định các khu vực dân cư nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trồng lúa nương trên các thửa ruộng bậc thang, trang trại chăn nuôi, bảo tồn và khôi phục văn hóa làng xã, thôn xóm, hỗ trợ giao thương, đồng thời thu hút du lịch cộng đồng.

Tập trung phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn sông Mã; lựa chọn cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, chú trọng các loại cây vừa có tác dụng phòng hộ vừa cho sản phẩm như: tinh dầu, nhựa, quả...; phát triển cây dược liệu dưới tán rừng; chăn nuôi gia súc; phát triển kinh tế nông lâm kết hợp. Ổn định và mở rộng diện tích trồng lúa nước ở những nơi có điều kiện để đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ.

Không phá rừng sản xuất để chuyển sang trồng lúa, ngô, sắn cũng như các cây trồng khác. Khẩn trương vận động và ngăn chặn người dân đốt rừng sản xuất chuyển sang làm nương rẫy; xác định việc phát triển rừng phải dựa trên mục tiêu là phủ xanh đất trống, đồi trọc, chống xói mòn, chống sạt lở đất,

bảo vệ nguồn sinh thủy, bảo vệ môi trường và cuối cùng mới là bảo vệ rừng gắn với phát triển kinh tế. Trồng rừng trên tinh thần lấy cây bản địa để làm mục tiêu phát triển, sau đó mới đưa những cây phù hợp có giá trị kinh tế vào sản xuất.

Giữ vững và mở rộng diện tích trồng lúa nước trong điều kiện có thể để đảm bảo an ninh lương thực. Đưa giống lúa mới và tiến bộ khoa học để nâng cao chất lượng sản phẩm. Đối với diện tích trồng lúa, ngô, sản kém hiệu quả có thể nghiên cứu chuyển sang trồng gai, nhưng không ồ ạt, không theo phong trào và không vì thành tích.

Đối với những xã có sản phẩm cây ăn quả thì tiếp tục phát triển và xây dựng thương hiệu, đồng thời lựa chọn cây trồng phù hợp để chỉ đạo xây dựng vùng sản xuất. Coi phát triển chăn nuôi là ngành sản xuất chính của Mường Lát; tập huấn nâng cao kiến thức về sản xuất cho cán bộ và Nhân dân, vận động thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã bao tiêu sản phẩm và phát triển các chợ, các thị tứ.

- Phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, kết hợp với du lịch cộng đồng, cảnh quan. Phát triển xây dựng các vùng chăn nuôi hàng hóa, khuyến khích phát triển chăn nuôi theo mô hình trang trại, quy mô lớn bán công nghiệp. Những vật nuôi có triển vọng phát triển như bò lai, lợn cỏ, dê núi, gà đồi, cá dóc,...phân bổ đều ở các xã trên địa bàn huyện Mường Lát.

- Hạn chế việc chuyển đổi đất trồng lúa, nhất là đất lúa ruộng bậc thang sang đất khác, ngoài đảm bảo an ninh lương thực, an sinh xã hội còn giữ gìn cảnh quan phục vụ phát triển du lịch.

- Tập trung nâng cao năng suất nuôi trồng thủy sản. Phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản công nghiệp, bán công nghiệp tại khu vực lòng hồ sông Mã. Phát triển nuôi thủy sản tại các khu vực có suối nước lạnh.

#### **4.4. Phân bố và quy mô các không gian phát triển**

##### **4.4.1. Không gian phát triển công nghiệp**

- Giữ nguyên quy mô Cụm công nghiệp hiện có (cụm CN Mường Lát) khoảng 5,0 ha định hướng phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, di dời các cơ sở sản xuất đang ở thị trấn ra ngoài.

- Bố trí đất sản xuất kinh doanh – tiểu thủ công nghiệp tại khu vực phố Buồn với quy mô khoảng 10 ha, định hướng công nghiệp chế biến nông - lâm sản, cơ khí nông nghiệp, nghề truyền thống...

- Do đặc thù miền núi cao, dân cư phân tán, quỹ đất bằng ít, ngoài cụm công nghiệp Mường Lát hiện có và khu vực phát triển công nghiệp tại khu phố Buồn, các cơ sở sản xuất kinh doanh có nhu cầu, bố trí tại các vị trí thuận lợi như: đầu mối giao thông, tại các trung tâm xã; có đất bằng. Nhưng phải đảm bảo các yêu cầu về môi trường. Ưu tiên thu hút phát triển các ngành công nghiệp mà huyện có lợi thế về cung cấp nguyên liệu tại chỗ.

Củng cố và khôi phục, phát triển các làng nghề dệt thổ cẩm, đan lát truyền thống phục vụ tiêu dùng, du lịch và xuất khẩu,... đồng thời du nhập một số ngành nghề mới để tạo thêm việc làm thu hút lao động.

#### 4.4.2. Không gian phát triển du lịch

- Tập trung phát triển loại hình du lịch văn hóa, trải nghiệm và khám phá thiên nhiên. Trên cơ sở khai thác hiệu quả các tài nguyên du lịch của huyện: Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu; Các khu vực ruộng bậc thang, các bản làng dân tộc cùng các điệu dân ca dân vũ, các phong tục tập quán đặc sắc của đồng bào dân tộc...

- Phát triển du lịch lòng hồ sông Mã và thăm quan các điểm du lịch như: Đền Tù Mã Hai Đào (phố Tén Tẩn, thị trấn Mường Lát); Sài Khao (bản Sài Khao, xã Mường Lý); Thiên Viện Đại Hóa (phố Tén Tẩn, thị trấn Mường Lát); Bia tưởng niệm Tây Tiến (bản Sài Khao – xã Mường Lý); Đền thờ Tào Pọng Poong (thị trấn Mường Lát); Cột mốc 281 (phố Tén Tẩn), các thửa ruộng bậc thang chiêm. Nổi bật là Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu (xã Trung Lý); Hang Nhên Mèo – Nà Lài (xã Mường Lý); núi Tén Hóm (Bản Sài Khao),..

#### Các tuyến du lịch

\* Các tuyến liên huyện:

Tuyến dọc theo QL.217B và QL 217: Nga Sơn – Bim Sơn – Hà Trung – Thạch Thành – Cẩm Thủy – Mường Lát – Quan Sơn.

Tuyến kết nối các di tích lịch sử, văn hóa tâm linh nổi tiếng của các huyện: Động Từ Thức (h.Nga Sơn) - Khu Căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (h.Nga Sơn) – Đền Sòng Sơn, đền Chín Giếng (thị xã Bim Sơn) - Khu Lăng Miếu Triệu Tường (h.Hà Trung) – Hang Con Moong (h.Thạch Thành) – Suối Cá thần Cẩm Lương (h. Cẩm Thủy) – Đền thờ Hà Công Thái (h. Bá Thước) – Thiên Viện Đại Hoá - đền thờ Tướng quân Tù Mã Hai Đào (h. Mường Lát)

\* Các tuyến liên tỉnh: Liên hệ, kết nối nội, ngoại vùng: Thông qua QL 16, liên kết Mường Lát với khu du lịch quốc gia Mộc Châu (Sơn La); khu du lịch Mai Châu (Hòa Bình). Thông qua TL521 TL521C và QL16 liên kết Mường Lát với khu du lịch Pù Luông.

#### 4.4.3. Định hướng phát triển các công trình hạ tầng xã hội

##### a) Hệ thống công trình Y tế:

- Xây dựng hoàn thiện mạng lưới y tế cấp cơ sở theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Đầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đa khoa huyện đảm bảo tiêu chuẩn ngành.

- Đến năm 2045: Tăng tỷ lệ giường bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn huyện. Hoàn thiện hệ thống y tế từ tuyến huyện đến tuyến xã trên địa bàn huyện đảm bảo tiêu chuẩn đô thị 30 giường bệnh/10.000 dân;

- Khuyến khích phát triển xã hội hóa phòng khám tư nhân.

##### b) Hệ thống công trình Giáo dục:

- Ổn định vị trí các trường THPT, TT GDTX như hiện nay. Mở rộng nâng cấp trường THPT đảm bảo đảm bảo tiêu chuẩn 40 hs/1000 dân, 10 m<sup>2</sup>/hs. Quy mô trung bình tối thiểu đạt 3,0ha/trường. Nâng cấp Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Bố trí quỹ đất xây dựng các cơ sở bán trú, nội trú cho các trường bằng nhiều nguồn vốn. Xây dựng bán trú từ lớp 3 trở lên để giáo dục học sinh từ kiến thức đến thói quen sinh hoạt, không để cháu nào trong độ tuổi mà không được đến trường. Nâng cấp, bổ sung và xây dựng cơ sở, vật chất các nhà trường, nhất là nhà ở cho giáo viên, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Hệ thống giáo dục các cấp (THCS, trường tiểu học và trường mầm non): Các công trình hiện trạng được duy trì nâng cấp, cải tạo; xây mới đảm bảo các tiêu chuẩn ngành.

- Bổ sung cụm trường liên cấp (từ tiểu học đến THPT) tại Mường Lý phục vụ nhu cầu học sinh khu vực các xã Trung Lý; Mường Lý.

##### c) Hệ thống công trình hành chính, văn hóa - thể thao:

###### \* Công trình văn hóa:

- Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện tại thị trấn Mường Lát theo đồ án quy hoạch chung đã xác định và theo tiêu chuẩn ngành.

- Xây dựng công viên cây xanh thị trấn.

\* Định hướng đến năm 2045 toàn huyện Mường Lát có 3 cụm Trung tâm Văn Hóa – TDTT cấp khu vực, quy mô theo tiêu chuẩn của ngành.

- Thị trấn Mường Lát: Trung tâm TDTT cấp huyện, bao gồm sân vận động và các thiết chế văn hóa tổng hợp đa chức năng: sân thể thao cơ bản, nhà thi đấu, khu thể thao dưới nước; Cung văn hóa lao động, nhà thiếu nhi...

- Xã Trung Lý: Trung tâm VH - TDTT cấp khu vực các xã hữu sông Mã;
- Xã Mường Lý: Trung tâm VH – TDTT cấp khu vực các xã tả sông Mã;

Trung tâm VH-TDTT cấp xã: Cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

#### 4.4.4. Hệ thống công trình thương mại dịch vụ:

- Với ưu thế có 2 tuyến giao thông quan trọng đi qua huyện: QL.15C & QL 16 cùng với cửa khẩu Tén Tằn. Phát triển thương mại biên mậu, thương mại ngoại vùng: dịch vụ trung chuyển hàng hóa, hành khách, dịch vụ Kho vận.

+ Trung tâm thương mại đầu mối chính của vùng: xây dựng tại khu vực trung tâm thị trấn Mường Lát và khu vực Cửa khẩu Tén Tằn. Có chức năng là trung tâm phát luồng hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho huyện và tỉnh.

+ Khu vực trung tâm thị trấn Mường Lát: xây dựng hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng dịch vụ.... là trung tâm Thương mại của huyện.

+ Khu vực cửa khẩu Tén tằn: xây dựng hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại dịch vụ, dịch vụ vận tải, kho bãi... là trung tâm đầu mối giao thương quan trọng khu vực phía Tây Bắc của huyện và của tỉnh.

- Đến năm 2025 huyện Mường Lát quy hoạch 08 chợ: 02 chợ thuộc diện xây dựng mới, cải tạo mở rộng (chợ huyện tại thị trấn Mường Lát – chợ hạng II); chợ Tén Tằn tại khu phố Tén Tằn – TT Mường lát); 06 chợ hạng III quy hoạch mới: chợ Quang Chiêu tại xã Quang Chiêu; chợ Trung Lý tại xã Trung Lý; chợ Mường Chanh tại xã Mường Chanh; chợ Pù Nhi tại xã Pù Nhi; chợ Nhi Sơn tại xã Nhi Sơn; chợ Mường Lý tại xã Mường Lý.

Do đặc thù miền núi cao, văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số, tạo điều kiện để mở các chợ phiên phục vụ nhu cầu giao lưu văn hóa, tinh thần, phát triển dịch vụ thương mại, du lịch cho bà con các dân tộc vùng cao.

## **5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **5.1. Định hướng phát triển giao thông**

#### 5.1.1. Giao thông đường bộ

- Quốc lộ: Tuân thủ Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/8/2021. Trên địa bàn huyện Mường Lát có 02 tuyến Quốc lộ thuộc nhóm quốc lộ thứ yếu khu vực miền Trung và Tây Nguyên.



+ Quốc lộ 15C: Ôn định hướng tuyến hiện nay đoạn qua huyện Mường Lát với chiều dài 63,3km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III-IV (2-4 làn xe).

+ Quốc Lộ 16 (đường Tây Thanh Hoá): Ôn định hướng tuyến hiện nay đoạn qua huyện Mường Lát với chiều dài 49,7km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI (2 làn xe).

- Đường tỉnh: Tuân thủ theo điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐUBND ngày 29/8/2017.

+ Tỉnh lộ 521E (TT. Mường Lát - Quang Chiểu - Mường Chanh): Nâng cấp quy mô và hoàn thiện đầu tư xây dựng chiều dài 25,9km, đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn đường cấp III.

+ Tỉnh lộ 521D (TT. Mường Lát - Tam Chung - Mường Lý): Nâng cấp quy mô và hoàn thiện đầu tư xây dựng chiều dài 13,7km, đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn đường cấp III.

- Quy hoạch đường huyện lên đường tỉnh, giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045:

+ Tuyến đường Pù Nhi đi Mường Chanh: tổng chiều dài 34,5km. Hiện trạng là đường giao thông nông thôn loại A. Đến năm 2030 được quy hoạch đường cấp IV, tối thiểu 2 làn xe; đến năm 2045 quy hoạch đường cấp III.

- Đường huyện: Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường đạt tối thiểu cấp V, tối thiểu 2 làn xe.

+ Tuyến Pá Quăn – Cò Cài (xã Trung Lý) – Mường Lý đi Sơn La. Xây dựng cầu Cò Cài nối Trung Lý và Mường Lý; tổng chiều dài khoảng 35.6km, đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn đường cấp V đến năm 2045 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV.

+ Đường từ trung tâm huyện đi xã Nhi Sơn (tuyến qua xã Tam Chung) hiện trạng là đường giao thông nông thôn loại B. bắt đầu từ (Km 97 + 900 QL15C) tổng chiều dài 13,0km, đến năm 2045 đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại A.

+ Tuyến nhánh số 1 đường giao thông Na Tao (xã Pù Nhi) - Chai (xã Mường Chanh). Hiện tại là đường giao thông nông thôn loại B. tổng chiều dài 12,9km, đến năm 2045 đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại A.

+ Tuyến nhánh số 2 đường giao thông Na Tao (xã Pù Nhi) - Chai (xã Mường Chanh). Hiện tại là đường giao thông nông thôn loại B. tổng chiều dài 6,2km, đến năm 2045 đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại A.

+ Tuyến nhánh số 3 đường giao thông Na Tao (xã Pù Nhi) - Chai (xã Mường Chanh). Hiện tại là đường giao thông nông thôn loại B. tổng chiều dài 2,5km, đến năm 2045 đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại A.

+ Tuyến nhánh số 4 đường giao thông Na Tao (xã Pù Nhi) - Chai (xã Mường Chanh). Hiện tại là đường giao thông nông thôn loại B. tổng chiều dài 4,65km, đến năm 2045 đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại A.

+ Tuyến nhánh số 5 đường giao thông Na Tao (xã Pù Nhi) - Chai (xã Mường Chanh). Hiện tại là đường giao thông nông thôn loại B. tổng chiều dài 5,97km, đến năm 2045 đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại A.

+ Đường tuần tra kết hợp KTXH-ANQP từ bản Pọng đi bản Pù Đưa ra cột mốc 304 thuộc xã biên giới Quang Chiêu, huyện Mường Lát. Hiện tại giao thông nông thôn loại B. tổng chiều dài 6,46km, đến năm 2045 đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại A.

- Đường tuần tra biên giới: chạy song song với đường biên giới Việt Nam – Lào dài khoảng 110km. Đến năm 2030 kết cấu đường bê tông xi măng.

- Đường đô thị: Thực hiện theo Đồ án quy hoạch chung đô thị được duyệt, được thiết kế theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đáp ứng cho đô thị loại V, cụ thể:

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị: 16-18%; mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy  $\geq 7,5\text{m}$ ): 6,5-8 km/km<sup>2</sup>.

- Bến xe khách:

+ 01 bến xe loại IV tại thị trấn Mường Lát,

+ 01 bến loại V tại Cửa khẩu Tén Tẩn.

#### 5.1.2. Giao thông đường thủy nội địa

Sông Mã đoạn qua huyện Mường Lát được quy hoạch với 02 bến thủy tổng hợp gồm:

- Bến Trung chuyển khu vực Đập Thủy Điện Trung Sơn, là bến Tổng hợp, CS: 50nghìn Tấn/Năm (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)

### 5.1.3. Các bên đò ngang

Rà soát các bên đò ngang hiện có, đề có các biện pháp quản lý cũng như các cơ chế chính sách hỗ trợ phù hợp, đảm bảo cho các bên đò hoạt động, phục vụ an toàn cho nhân dân.

## 5.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

- Định hướng san nền: Phù hợp với tổ chức hệ thống thoát nước mưa hiện có; tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, giữ được hệ thống cây xanh hiện có, hạn chế khối lượng đào đắp và hạn chế chiều cao đất đắp. Cao độ san nền được tính toán cục bộ cho từng khu vực.

- Định hướng thoát nước: Thoát nước mặt chủ yếu kết hợp hệ thống các kênh, mương tiêu và các trạm bơm thoát nước mưa cho đô thị và các điểm dân cư ra các hệ thống suối và sông Mã. Trong quá trình xây dựng, phát triển đô thị cần giữ tối đa và tăng diện tích bề mặt các hệ thống ao, hồ, đập sẵn có trên địa bàn toàn huyện.

## 5.3. Định hướng cấp nước

Nhu cầu sử dụng nước toàn huyện (làm tròn) khoảng 3.000 m<sup>3</sup>/ngđ (giai đoạn năm 2030) và 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ (giai đoạn năm 2045).

- Nguồn cấp nước: sử dụng nguồn nước mặt từ hệ thống sông Mã và các khe, suối tự nhiên

- Quy hoạch 04 Nhà máy nước phục vụ nhu cầu nước sạch cho các đô thị và vùng phụ cận:

+ Xây dựng Nhà máy nước thị trấn Mường Lát; Công suất: 1.600m<sup>3</sup>/ngày.đêm (vị trí tại vị trí công sở xã Tam Chung cũ, cấp cho thị trấn Mường Lát và khu vực lân cận)

+ Xây dựng Nhà máy nước Trung Lý; Công suất: 1.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm

+ Xây dựng Nhà máy nước Mường Lý; Công suất: 800m<sup>3</sup>/ngày.đêm

+ Xây dựng Nhà máy nước Tén Tằn; Công suất: 1.200m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- Đến 2025 hướng tới đạt tỷ lệ 97% người dân sử dụng nước hợp vệ sinh

- Đến 2030 hướng tới đạt tỷ lệ 99% người dân sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Mạng lưới cấp nước: Sử dụng đường ống cấp nước HPDE, được quy hoạch ngầm dọc theo các trục đường giao thông. Chi tiết thông số mạng lưới đường ống cấp nước sẽ được triển khai chi tiết trong các quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết.

## **5.4. Định hướng cung cấp năng lượng, viễn thông.**

### **5.4.1. Cung cấp năng lượng**

Nguồn điện: Trước mắt lấy từ trạm 110KV Bá Thước hiện đang cung cấp cho các huyện miền núi. Theo Quy hoạch ngành điện, định hướng (Giai đoạn 2021-2026) Mường Lát sẽ nhận điện từ trạm TBA 110KV Quan Hóa, Công suất: (2x25)MVA (xây mới).

Đến năm 2025 phấn đấu 100% số bản được cung cấp điện, nâng cao chất lượng điện, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt sản xuất của người dân.

Trạm biến áp: Các trạm biến áp phụ tải phát triển các loại máy 22/0,4kV hoặc 10(22)/0,4kV đối với nơi chưa có cấp điện áp 22kV.

Lưới điện: Khu vực các xã nông thôn sử dụng đường dây nổi. các tuyến đường dây 35KV và 22KV hiện có vẫn được giữ nguyên. Cấp điện cho các trạm biến áp phụ tải khu vực trung tâm huyện, khu đô thị khuyến khích sử dụng cáp ngầm. Cấp điện khu dân cư ngoại thị, cụm công nghiệp, sử dụng đường dây trên không có bọc cách điện.

### **5.4.2. Hạ tầng viễn thông thụ động:**

- Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng: Tiếp tục duy trì nâng cấp các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại các trung tâm giao dịch viễn thông, các Bưu cục cấp II, cấp III, điểm bưu điện - văn hóa xã,

- Mạng điện thoại cố định, Internet cố định: Nâng cấp các trạm chuyển mạch cố định, trạm truy nhập quang hiện có; Đầu tư xây dựng mới các trạm truy nhập quang tại các khu đô thị mới, cụm công nghiệp mới, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, truyền hình qua mạng viễn thông.

- Mạng thông tin di động: Đầu tư xây dựng mới các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động 4G/5G và thế hệ mới sau 5G tại khu dân cư hiện hữu và các khu dân cư mới, cụm công nghiệp mới, khi lập các đồ án quy hoạch.

- Hạ tầng mạng cáp viễn thông: Nâng cấp dung lượng các tuyến cáp quang nội tỉnh từ các trạm HOST đến trạm chính (trạm nút) đặt tại thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát và từ trạm chính đặt tại thị trấn đến các trạm vệ tinh lắp đặt tại các xã.

+ Đối với các tuyến đường mới đầu tư xây dựng mới các tuyến cáp dọc theo các tuyến đường.

+ Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình: Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng; Thực hiện bó gọn, gia cố hệ thống

dây cáp; Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp; Hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

- Nhu cầu sử dụng đất cho các công trình viễn thông thu động: Diện tích 01 trạm viễn thông xây dựng mới là:  $\geq 200 \text{ m}^2$ ; Diện tích xây dựng cột ăng ten:  $\geq 80 \text{ m}^2$ .

## **5.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang**

### **5.5.1. Định hướng thoát nước thải**

- Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải, đảm bảo xử lý tổng lượng nước thải đến năm 2030 khoảng 3.300 m<sup>3</sup>/ngày; đến năm 2045 khoảng 4.500m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Xây dựng mới 02 trạm xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Mường Lát, công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày, diện tích khoảng 2,0ha; tại khu vực phố Tền Tàn công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày, diện tích khoảng 2,0ha.

- Các đô thị, cụm công nghiệp, quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, có các trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn và được kiểm soát chặt chẽ.

- Khu vực nông thôn sử dụng hệ thống thoát nước chung. Xây dựng các mương xây có tấm đan, thoát nước chung với nước mưa, thu nước thải đưa xa ngoài phạm vi làng xóm, tận dụng hệ thống kênh, mương nội đồng; ao, hồ sẵn có ngoài đồng để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên (mô hình hồ sinh học, cánh đồng lọc, cánh đồng tưới). Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp. 100% các hộ gia đình phải sử dụng xí hợp vệ sinh, khuyến khích sử dụng bể tự hoại hợp quy cách. Các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia cầm và các trang trại nuôi gia súc tập trung sẽ xây bể biogas, xử lý phân rác thải tận dụng năng lượng phục vụ sinh hoạt.

### **5.5.2. Định hướng quy hoạch chất thải rắn:**

Tổng lượng thải phát sinh đến 2030 khoảng 42 tấn/ngày.đêm. Trong đó, lượng thải sinh hoạt khoảng 38,2 tấn/ngày.đêm, lượng thải công nghiệp khoảng 1,0 tấn/ngày.đêm. Tổng lượng thải phát sinh đến 2045 khoảng 50,5 tấn/ngày.đêm. Trong đó, lượng thải sinh hoạt khoảng 42,3 tấn/ngày.đêm, lượng thải công nghiệp khoảng 4,0 tấn/ngày.đêm.

Khu xử lý: Định hướng Mường Lát xác định 02 địa điểm bố trí các cơ sở xử lý CTR, cụ thể:

+ Vị trí 1: tại thị trấn Mường Lát: diện tích 2,0 ha (sau năm 2025 tăng lên 3,0 ha), công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh (sau năm 2025 sử dụng công nghệ đốt và hỗn hợp); Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường, xây

dựng, bùn thải phát sinh từ các hộ gia đình, từ các CCN, Làng nghề trên địa bàn thị trấn Mường Lát và 03 xã (Tam Chung, Mường Chanh, Quang Chiêu).

+ Vị trí 2: tại xã Nhi Sơn: diện tích 2,0 ha (sau năm 2025 tăng lên 3,0 ha), công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh; Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường, xây dựng, bùn thải phát sinh từ các hộ gia đình, từ các CCN, Làng nghề trên địa bàn các xã Trung Lý, Nhi Sơn, Mường Lý, Pù Nhi.

### 5.5.3. Định hướng quy hoạch nghĩa trang:

- Xây dựng mới Nghĩa trang huyện Mường Lát, vị trí xây dựng tại thị trấn Mường Lát, quy mô diện tích khoảng 3,0ha.

- Xây dựng hệ thống nghĩa trang tập trung cấp xã, thị trấn (1- 2 điểm/xã), vị trí và quy mô sẽ được nghiên cứu trong bước quy hoạch chung xây dựng xã, tùy điều kiện có thể xây dựng nghĩa trang cho từng thôn, xóm lưu ý quan tâm đến phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc.

## 5.6. Định hướng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai

### 5.6.1. Định hướng hệ thống thủy lợi

Nâng cấp đập thủy lợi thủy điện Tén Tằn. Kiên cố hóa thêm khoảng 80 km, xây mới 11 đập và sửa chữa 27 đập.

### 5.6.2. Phòng chống thiên tai

Trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn, sắp xếp lại dân cư, các cơ sở kinh tế xã hội trong vùng thường xuyên bị ngập lũ, xây dựng phương án tái định cư theo Quyết định số: 4845/QĐ-UBND ngày 1/12/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Tiếp tục rà soát các khu vực tiềm ẩn có nguy cơ xảy ra thiên tai, sạt lở đất để từng bước bố trí di dời, tái định cư cho các hộ dân vùng có nguy cơ.

## 6. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường

- Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phát triển đô thị phải gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, đô thị tránh phát sinh chất thải ra môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các điểm du lịch, các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn sinh thủy, nguồn tiếp nhận nước thải, vùng nước ven bờ, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm.

### 7. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2030

TT	Tên dự án	Quy mô	Nguồn vốn
<b>A</b>	<b>Nhóm dự án quy hoạch</b>		
1	Lập QHC xây dựng các xã		Ngân sách
2	Lập QHCT các Khu dân cư mới		Ngân sách, D. Nghiệp
<b>B</b>	<b>Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật</b>		
1	Xây dựng tuyến đường Bắc suối Sim (Cửa khẩu Tén Tản đi bản Púng xã Quang Chiêu);	Đường cấp V;	Ngân sách
2	Xây dựng tuyến đường từ cầu Đoàn Kết đi khu phố Tén Tản (tuyến bắc sông mã); xây dựng cầu cứng qua sông mã tại cuối tuyến.	Đường cấp IV; tối thiểu 2 làn xe	Ngân sách
3	Nâng cấp đường GT từ cầu Đoàn Kết nối với đường tỉnh 521D	Đường cấp IV; tối thiểu 2 làn xe	Ngân sách
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường đoạn từ bản Táo xã Trung Lý đến bản Mau xã Mường Lý;	Đường cấp IV; tối thiểu 2 làn xe	Ngân sách
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường đoạn từ thị trấn Mường Lát đến Chiềng Nưa	Đường cấp IV; tối thiểu 2 làn xe	Ngân sách
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Tam Chung đi mốc G3 đi xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.	Đường cấp V	Ngân sách
7	Nâng cấp tuyến đường từ bản Nà Ón đi bản Cò Cài xã Trung Lý	Đường cấp V	
8	Nâng cấp tuyến đường từ bản Cá Giáng đi bản Tà Cóm xã Trung Lý	Đường cấp V	
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến Pá Quăn - Cò Cài - Mường Lý đi tỉnh Sơn La).	Đường cấp IV; tối thiểu 2 làn xe	Ngân sách
10	Xây dựng cầu Cò Cài (bản Cò Cài xã		Ngân sách

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Quy mô</b>	<b>Nguồn vốn</b>
	Trung Lý đi tỉnh Sơn La)		
11	Xây dựng cầu Đoàn Kết tại vị trí Khu phố Buồn sang khu phố Đoàn kết		Ngân sách
12	Xây dựng cầu Piềng Mòn		Ngân sách
13	Xây dựng cầu Mông		Ngân sách
14	Xây dựng cầu Chai xã Mường Chanh (khu vực UBND xã).		Ngân sách
15	Xây dựng cầu Na Chừa xã Mường Chanh (sang khu TĐC Na Chừa)		Ngân sách
16	Xây dựng cầu Na Hào xã Mường Chanh		Ngân sách
17	Xây dựng cầu Cang xã Mường Chanh		Ngân sách
18	Xây dựng nhà máy cấp nước sạch thị trấn		D. Nghiệp
19	Nâng cấp nhà máy thủy điện Tén Tẩn.		D. Nghiệp
20	Xây dựng bãi rác của thị trấn.	3,0ha	Ngân sách
21	Xây dựng đề án tái định cư (10 khu) cho các điểm dân cư có nguy cơ bị sạt lở, các khu vực có khả năng bị lũ ống, lũ quét.		Ngân sách
<b>C</b>	<b>Nhóm dự án hạ tầng kinh tế</b>		
1	Lập đề án phát triển cây ăn quả, cây dược liệu trên địa bàn huyện.		Ngân sách
2	Xây dựng chợ huyện tại thị trấn Mường Lát và chợ Tén Tẩn		Ngân sách, D. Nghiệp
3	Xây dựng TT thương mại cấp vùng tại: thị trấn Mường Lát, Khu phố Tén Tẩn.	5,0 ha	D. Nghiệp
<b>D</b>	<b>Nhóm dự án hạ tầng xã hội</b>		
1	Nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện tại thị trấn Mường Lát	300 giường	Ngân sách
2	Xây dựng Trung tâm VH - TDTT huyện tại thị trấn Mường Lát	4,4ha	Ngân sách

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. UBND huyện Mường Lát có trách nhiệm:

- Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch để đóng dấu, lưu trữ theo quy định.



- Tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch được duyệt trong thời gian 15 kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt.

- Tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu quy hoạch cho địa phương, các đơn vị liên quan làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ, thực hiện đầu tư quỹ đất theo quy hoạch được duyệt.

- Lập kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch nông thôn.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Mù Cang Lát; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đ/c Ủy viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H4.(2022)QDPD QH VH M Lat

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**